

Bản án số: **452/2022/KDTM-PT**

Ngày: 08/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Công Toại**

*Các Thẩm phán:*

**Bà Trương Thị Thảo**

**Bà Vũ Thị Hương**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lương Thị Thu Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Kim Thủy**, Kiểm sát viên

Trong các ngày 01 và 08 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2503/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8348/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Sài Gòn;**

Địa chỉ: Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

1/. Ông **Nguyễn Hoàng T** - Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật;

2/. Ông **Phan Mạnh C**; Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; (Văn bản ủy quyền số 03/2022/UQ-BTGD ngày 01/7/2022).

3/. Ông **Trương Phú C**; Đường Nguyễn Thị Huỳnh, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; (Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ-BTGD, ngày 05/01/2022).

*Bị đơn: Ngân hàng TMCP SG;*

Địa chỉ: Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:

1/. Bà **Hoàng Hồng T**, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/. Ông **Nguyễn Chí N**, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Cùng địa chỉ liên hệ: Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 535/GUQ-SGB, ngày 16/11/2020).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH VK;*

Địa chỉ: Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông **Dương Tấn N** – Giám đốc, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo: Bị đơn.*

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng Công ty TNHH VK vắng mặt lần thứ 2).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm:

***Đại diện Nguyên đơn trình bày:***

Ngày 22/8/2011, Bị đơn và Liên danh E.C.I SaiGon-Việt Khôi gồm Công ty Cổ phần Sài Gòn và Công ty TNHH VK ký Hợp đồng thi công xây dựng số 026/2011/HĐXD thỏa thuận gói thầu xây dựng và thiết bị tại địa điểm trụ sở Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương – Chi nhánh Đắk Lắk, số 50 Đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 12/9/2011, Ngân hàng Công Thương và Liên danh E.C.I SaiGon-Việt Khôi ký Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng số 010/2011/HĐXD thỏa thuận thêm về phân công trách nhiệm và khối lượng công việc của bên nhận thầu. Theo đó Nguyên đơn chịu trách nhiệm toàn bộ khối lượng công việc liên quan đến việc thi công hạng mục phần thô toàn bộ công trình, bao gồm: Cọc - Hầm & các hạng mục ngầm - sàn các tầng - Xây các loại tường, vách ngăn được quy định trong hợp đồng chính. Tổng giá trị tạm tính: 25.000.000.000 đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Theo Hồ sơ giá trị thanh quyết toán giai đoạn 1 (Phần thô) ngày 15/4/2016 Nguyên đơn và Bị đơn đã ký xác nhận giá trị đã thi công với số tiền là 13.671.599.198 đồng. Nguyên đơn đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số

0000483 ngày 06/6/2016 tương ứng số tiền 13.671.599.198 đồng. Bị đơn đã thanh toán được số tiền là 11.703.599.198 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.968.000.000 đồng.

Ngày 23/6/2016 Bị đơn đại diện chủ đầu tư đã nhận bàn giao công trình từ đại diện nhà thầu là Nguyên đơn theo Biên bản bàn giao công trình (V/v: *Kiểm tra hiện trạng công trình và bàn giao chính thức công trình từ nhà thầu thi công - ECI Saigon cho Chủ đầu tư - Saigonbank*).

Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 1.968.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán, tạm tính từ ngày 15/7/2016 đến ngày 05/4/2022 là 1.014.679.233 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

***Đại diện Bị đơn trình bày:***

Nhằm thực hiện gói thầu “Xây dựng và thiết bị công trình trụ sở Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương–Chi nhánh Đắc Lắc”, ngày 22/8/2011 Bị đơn đã ký Hợp đồng thi công xây dựng số 026/2011/HĐXD với Liên danh E.C.I SaiGon-Việt Khôi, gồm Công ty Cổ phần Sài Gòn và Công ty TNHH VK (Sau đây gọi là Nhà thầu). Nội dung chính như sau:

- Giá trị Hợp đồng là 52.500.000.000 đồng.
- Tiến độ thực hiện hợp đồng là 540 ngày, kể cả ngày nghỉ (Không kể Quốc lễ và lễ Tết theo quy định), tính từ ngày có lệnh khởi công của chủ đầu tư.
- Quá trình thi công, Nhà thầu vi phạm tiến độ, mặc dù đã được gia hạn nhiều lần. Theo Báo cáo số 24/BC/HĐ-019/2011 ngày 20/01/2015 của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng công nghệ (Đơn vị tư vấn giám sát): Ngày 06/10/2014, Nhà thầu đã tự ý ngừng thi công do không có thiết bị, vật tư, nhân công. Tính đến ngày 20/01/2015, Nhà thầu chỉ thi công sàn tầng mái khung, đạt 90% Bê tông, phân xây tường 80%, trễ tiến độ 22 tháng.
- Ngày 23/01/2015, Bị đơn đã có Công văn số 59/HC-15 thông báo chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số 026/2011/HĐXD sau 30 ngày kể từ ngày 23/01/2015 và yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Về bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam– Chi nhánh Nam Sài Gòn bảo lãnh cho Công ty E.C.I SAIGON, đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán xong cho Bị đơn 02 Chứng thư bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Đối với Ngân hàng TMCP Việt Á–Chi nhánh Chợ Lớn (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Việt Á) bảo lãnh cho Công ty VK chỉ mới thanh toán cho Bị đơn số tiền 3.282.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.968.000.000 đồng, Ngân hàng Việt Á vẫn chưa thanh toán cho Bị đơn. Vì vậy, Bị đơn đã khởi kiện Ngân hàng Việt Á tại Tòa án nhân dân Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu thanh toán khoản tiền trên.

Về số tiền 1.968.000.000 đồng, Công ty E.C.I SAIGON đề nghị Bị đơn thanh toán nhưng Bị đơn chưa thanh toán vì theo Công văn số 29/CV-E.C.I-TCKT ngày 20/01/2017 về việc tạm ứng tiền công trình Saigonbank của Công ty E.C.I SAIGON thì Công ty E.C.I SAIGON đã đề nghị Bị đơn thanh toán số tiền còn lại 1.968.000.000 đồng sau khi có quyết định của Tòa án. Vì vụ việc Bị đơn kiện Ngân hàng Việt Á đang được Tòa án nhân dân Quận Đ thụ lý và giải quyết, chưa có phán quyết cuối cùng nên Bị đơn vẫn chưa có cơ sở giải quyết số tiền trên cho Công ty E.C.I SAIGON.

Trong vụ kiện này, Công ty E.C.I SAIGON và Công ty VK được Tòa án nhân dân Quận Đ đưa vào với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vì vậy, Công ty E.C.I SAIGON có quyền có yêu cầu độc lập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự mà không cần phải khởi kiện một vụ án khác tại Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận A chuyển vụ việc cho Tòa án nhân dân Quận Đ để giải quyết cho phù hợp với quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn thay đổi lời khai tại các buổi làm việc và hòa giải tại Tòa án như sau:

Thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 026/2011/HĐXD với Liên danh E.C.I Saigon-Việt Khôi, Bị đơn đã tạm ứng cho liên danh số tiền là 18.164.962.642 đồng, đã được xác nhận tại mục 02 Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2016 (đính kèm các chứng từ: 02 Ủy nhiệm chi lập ngày 31/8/2011, Bị đơn tạm ứng cho liên danh tổng số tiền 10.500.000.000 đồng (Công ty E.C.I SAIGON: 5.250.000.000 đồng và Công ty VK: 5.250.000.000 đồng), Ủy nhiệm chi ngày 08/10/2012 tạm ứng cho Công ty E.C.I SAIGON số tiền 2.071.473.949 đồng, Ủy nhiệm chi ngày 8/02/2013 tạm ứng cho Công ty E.C.I SAIGON số tiền 1.400.000.000 đồng, Ủy nhiệm chi ngày 05/12/2013 tạm ứng cho Công ty E.C.I SAIGON số tiền 2.943.488.693 đồng, Ủy nhiệm chi ngày 05/02/2016 tạm ứng cho Công ty E.C.I SAIGON số tiền 1.250.000.000 đồng).

Trong quá trình thi công, liên danh đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, nên Bị đơn đã thông báo chấm dứt hợp đồng và Bị đơn đã thu hồi số tiền tạm ứng là 6.444.321.533 đồng đã được xác nhận tại mục 3 Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2016 (đính kèm các chứng từ: Lệnh chuyển có ngày 06/02/2015 Công ty E.C.I SAIGON chuyển trả cho Bị đơn tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng số tiền: 2.625.000.000 đồng, Lệnh chuyển có ngày 10/02/2015 Công ty E.C.I SAIGON chuyển trả cho Bị đơn tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng số tiền: 537.321.533 đồng; Lệnh chuyển tiền ngày 14/02/2015 Ngân hàng Việt Á thanh toán thay nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty VK số tiền 3.282.000.000 đồng).

Như vậy, số tiền Bị đơn tạm ứng cho liên danh còn lại sau khi trừ số tiền Bị đơn đã thu hồi tạm ứng là 11.720.641.109 đồng (18.164.962.642 đồng -

6.444.321.533 đồng = 11.720.641.109 đồng), đã được xác nhận tại Bảng tổng hợp thanh toán ngày 06/6/2016.

Theo Bảng tổng hợp giá trị thanh toán ngày 06/6/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2016, Bị đơn và liên danh đã thống nhất tổng giá trị quyết toán là 13.671.599.198 đồng. Sau khi trừ số tiền đã tạm ứng cho liên danh (11.720.641.109 đồng) và chi phí bảo hành 5% (683.579.960 đồng), thì số tiền Bị đơn còn phải thanh toán cho liên danh tại thời điểm quyết toán là 1.267.378.129 đồng. Ngày 20/01/2017, Bị đơn đã thanh toán cho Công ty E.C.I SAIGON số tiền 1.267.378.129 đồng (đính kèm Ủy nhiệm chi ngày 20/01/2017). Ngày 21/9/2017 Bị đơn cũng đã thanh toán chi phí bảo hành 5% là 683.579.960 đồng (đính kèm Ủy nhiệm chi ngày 21/9/2017), theo đúng tổng giá trị quyết toán ngày 06/6/2016 đã được 3 bên ký kết. Số tiền chi phí bảo hành 5% này lẽ ra Bị đơn không phải thanh toán, bởi lẽ công trình đang thi công dở dang thì bị đình chỉ nên không phát sinh chi phí bảo hành.

Như vậy, cho đến ngày 21/9/2017 Bị đơn đã trả hết số tiền còn lại cho liên danh theo Bảng quyết toán giữa 3 bên ngày 06/6/2016, không còn nợ đối với Công ty ECI SAIGON theo Hợp đồng xây dựng đã ký.

Hợp đồng thi công xây dựng số 026/2011/HĐXD, tại Điều 5 quy định: Chủ đầu tư tạm ứng 20% giá trị hợp đồng cho liên danh E.C.I Saigon-Việt Khôi sau khi nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng 10% giá trị hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng bằng 10% giá trị hợp đồng (khoản 5.2). Vốn tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán theo tỷ lệ khối lượng công việc thực hiện, việc thu hồi vốn tạm ứng được bắt đầu ngay khi thanh toán lần đầu và kết thúc khi khối lượng đã thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng (khoản 5.3). Điều 9 khoản 9.4 quy định: Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng xây dựng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng xây dựng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng số 010/2011/HĐXD, tại Điều 1 quy định: Công ty E.C.I SAIGON thành viên đứng đầu liên danh chịu trách nhiệm tất cả các vấn đề chung liên quan đến gói thầu trước Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh ngày 01/6/2011 giữa Công ty E.C.I SAIGON và Công ty VK, tại Điều 1 khoản 3 đã quy định: Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh.

Thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng, Công ty VK đã được Ngân hàng Việt Á bảo lãnh thực hiện hợp đồng (2.625.000.000 đồng) và bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước (2.625.000.000 đồng), tổng cộng 5.250.000.000 đồng. Căn cứ Thông báo ngày 13/02/2015, Ngân hàng Việt Á đã thanh toán 3.282.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.968.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Số tiền 1.968.000.000 đồng này nằm trong số tiền do Bị đơn tạm ứng cho liên danh (Công ty VK nhận) được Ngân hàng Việt Á bảo lãnh.

Căn cứ các quy định nêu trên, 02 khoản bảo lãnh mà Ngân hàng Việt Á phải trả đương nhiên được Bị đơn thu hồi vào số tiền đã tạm ứng cho liên danh. Trường hợp bên bảo lãnh (Ngân hàng Việt Á) không trả thì bên được bảo lãnh là liên danh E.C.I Saigon-Việt Khôi phải có trách nhiệm hoàn trả tạm ứng cho Bị đơn. Đối với nội bộ liên danh thì Công ty VK có trách nhiệm bồi thường cho Công ty E.C.I SAIGON theo thỏa thuận liên danh (Bị đơn không có trách nhiệm thu hồi khoản bảo lãnh còn lại để thanh toán cho Công ty E.C.I SAIGON. Đó là lý do Bị đơn không đồng ý ký Biên bản đối chiếu công nợ). Những căn cứ pháp lý nói trên chỉ rõ, Công ty E.C.I SAIGON phải khởi kiện Công ty VK để đòi bồi thường số tiền 1.968.000.000 đồng do Ngân hàng Việt Á bảo lãnh cho Công ty VK mới phù hợp với quy định của pháp luật. Do Công ty E.C.I SAIGON không tìm được Công ty VK và Công ty E.C.I SAIGON không có căn cứ để khởi kiện đòi Ngân hàng Việt Á thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty VK, nên Bị đơn căn cứ Thư bảo lãnh của Ngân hàng Việt Á khởi kiện Ngân hàng Việt Á tại Tòa án nhân dân Quận Đ để đòi tiền giúp cho Công ty E.C.I SAIGON, đây không phải là trách nhiệm của Bị đơn đối với Công ty E.C.I SAIGON.

Bị đơn khẳng định không có nợ khoản tiền 1.968.000.000 đồng theo Đơn khởi kiện của Công ty E.C.I SAIGON. Đây là khoản tiền nằm trong số tiền ứng trước mà liên danh E.C.I Saigon-Việt Khôi có trách nhiệm hoàn trả cho Bị đơn, đã được Ngân hàng Việt Á bảo lãnh thanh toán thay cho Công ty VK thuộc liên danh E.C.I Saigon-Việt Khôi. Hiện nay, Tòa án nhân dân Quận Đ đang thụ lý giải quyết liên quan đến khoản tiền này, vụ án có cùng đối tượng, cùng quan hệ giao dịch và cùng các đương sự tham gia tố tụng. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Quận A chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân Quận Đ để giải quyết cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Tòa án nhân dân Quận A vẫn thụ lý giải quyết, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty E.C.I SAIGON vì không có căn cứ, Bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng xây dựng, Bảng tổng hợp giá trị quyết toán ngày 15/4/2016 và Bảng tổng hợp giá trị thanh toán ngày 06/6/2016.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty VK: Vắng mặt trong quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân Quận A, tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 026/2011/HĐXD ngày 22/8/2011; Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng số: 010/2011/HĐXD ngày 12/9/2011; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2016 là: 2.982.679.233 đồng, gồm: Tiền nợ gốc:

1.968.000.000 đồng. Tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 15/7/2016 đến ngày 05/4/2022 là: 1.014.679.233 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và việc thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 12/4/2022 Bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Quận Đ để giải quyết cùng với vụ án Bị đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Việt Á; trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xét hai vụ án này không liên quan thì đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn vì Bị đơn không còn khoản nợ nào đối với Nguyên đơn.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Quận 5 giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung trình bày của các đương sự được ghi nhận trong bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân Quận A, thụ lý giải quyết tranh chấp về hợp đồng xây dựng, giữa Nguyên đơn với Bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Xét, Công ty VK đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty VK theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn:

- Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do có liên quan đến vụ án Tòa án nhân dân Quận Đ đang giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc bảo lãnh thanh toán giữa Bị đơn và Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Chợ Lớn không phải là thỏa thuận ba bên giữa Bị đơn, Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Chợ Lớn và Nguyên đơn. Nguyên đơn không tham gia vào quan hệ bảo lãnh thanh toán này; việc Ngân hàng Công Thương (Bị đơn) khởi kiện Ngân hàng Việt Á tại Tòa án nhân dân Quận Đ tranh chấp hợp đồng bảo lãnh không liên quan đến nội dung tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa Nguyên đơn và Bị đơn trong vụ án này theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự vì việc Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn đòi thanh toán giá trị thi công do Bị đơn còn nợ Nguyên đơn trong việc thực hiện hợp đồng xây dựng, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án khác. Do đó, việc Bị đơn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Quận Đ để giải quyết là không có căn cứ để chấp nhận.

- Về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm do Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hồ sơ giá trị thanh quyết toán giai đoạn 1 (Phần thô) ngày 15/4/2016, Nguyên đơn và Bị đơn đã ký xác nhận giá trị đã thi công số tiền là 13.671.599.198 đồng. Ngày 23/6/2016 Bị đơn đã nhận bàn giao công trình từ Nguyên đơn theo Biên bản bàn giao công trình. Nguyên đơn đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000483 ngày 06/6/2016 tương ứng giá trị thanh quyết toán giai đoạn 1 (Phần thô) ngày 15/4/2016 trị giá 13.671.599.198 đồng. Bị đơn đã thanh toán được số tiền là 11.703.599.198 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.968.000.000 đồng. Quyết định của bản án sơ thẩm buộc Bị đơn thanh toán số tiền này cho Nguyên đơn và tiền lãi do chậm thanh toán là chính xác, đúng quy định pháp luật.

Việc Bị đơn trình bày đã thanh toán cho Công ty VK theo Ủy nhiệm chi ngày 31/8/2011 (Công ty VK đã được Ngân hàng Việt Á bảo lãnh thực hiện hợp đồng (2.625.000.000 đồng) và bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước (2.625.000.000 đồng), tổng cộng 5.250.000.000 đồng. Căn cứ Thông báo ngày 13/02/2015, Ngân hàng Việt Á đã thanh toán số tiền 3.282.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.968.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Số tiền 1.968.000.000 đồng này nằm trong số tiền do Bị đơn tạm ứng cho liên danh (Công ty VK nhận) được Ngân hàng Việt Á bảo lãnh) là thỏa thuận trước đó của các bên, sau khi các bên thống nhất chấm dứt hợp đồng thì các thỏa thuận cũ trong hợp đồng không còn hiệu lực thực hiện, các thỏa thuận cũ đã bị thay đổi theo thỏa thuận cuối cùng trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2016, việc này bản án sơ thẩm đã nhận định rõ. Vì vậy, không có căn cứ để sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Xét, quyết định bản án sơ thẩm tuyên: “*Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật*” là không chính xác; việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền và quyết định



bản án sơ thẩm tuyên lãi chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án không cụ thể; khó thi hành vì vậy cấp phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/KDTM-ST ngày 05/4/2022, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

#### **Xử:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sài Gòn số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 026/2011/HĐXD ngày 22/8/2011; Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng số 010/2011/HĐXD ngày 12/9/2011; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2016 là **2.982.679.233** (*Hai tỷ chín trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm ba mươi ba*) đồng, gồm: Tiền nợ gốc: 1.968.000.000 đồng; Tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 15/7/2016 đến ngày 05/4/2022 là 1.014.679.233 đồng; thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

#### 2/. Án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn phải chịu án phí là 91.653.584 (*Chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bốn*) đồng; nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Sài Gòn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.067.630 (*Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi*) đồng; theo Biên lai thu số: AA/2019/0029805 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 3/. Án phí phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng;

theo Biên lai thu số AA/2021/0005664 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Toại**